

Số: **35** /2020/QĐST-DS

B, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 158/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Tiến D - sinh năm 1966

TQ: Số 24, đường Lê Hồng Phong 2, phường Xương Giang, TP B

+ ***Bị đơn:*** Ông Phạm Xuân T - sinh năm 1967

Bà Trần Thị T1 - sinh năm 1973

TQ: Số 01, Ngõ 36, đường C, phường L, TP B

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng bà Trần Thị T1, ông Phạm Xuân T phải trả cho ông Phạm Tiến D tổng số tiền là: 543.875.000đồng (trong đó số tiền gốc là 487.000.000đồng và lãi là 56.875.000đồng). Trả vào ngày 15 hàng tháng theo phương án sau:

Ngày 15/1/2021 trả 20.000.000đồng

Ngày 15/2/2021 trả 23.000.000đồng

Ngày 15/3/2021 trả 50.000.000đồng

Ngày 15/4/2021 trả 50.000.000đồng

Ngày 15/5/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/6/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/7/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/8/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/9/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/10/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/11/2021 trả 50.000.000đồng
Ngày 15/12/2021 trả 50.000.000đồng

Trường hợp ông Phạm Xuân T bà Trần Thị T1 vi phạm một trong các kỳ thanh toán trên thì ông Phạm Tiến D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản tiền trên một lần để thu hồi nợ

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

* **Về án phí:** ông Phạm Tiến D phải chịu 7.430.000đồng (xác nhận ông D đã nộp xong tại bên lai thu số AA/2018/0001563 ngày 01/10/2020)

Ông Phạm Xuân T bà Trần Thị T1 phải chịu 5.447.500đồng tiền án phí.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÂM PHÁN
(đã ký)

Hoàng Thị Hải Hương

